

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HS-ST

Ngày 24/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Thọ

Ông Nguyễn Văn Luận

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Anh Tuấn, Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thế A**, (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1993, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, huyện T (nay là tổ dân phố 5, phường H, thành phố T), thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Đảng viên Đảng cộng sản Việt nam, đã bị khai trừ ra khỏi đảng ngày 25/12/2024 theo quyết định số 218/QĐ-ĐU của Đảng ủy khu kinh tế Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Kim L; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Trần Quế Q (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/09/2024 đến ngày 25/09/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1972, trú tại: số nhà 08/594, đường N, phố T, phường N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

2. Chị Đinh Thị T1, sinh năm 1982, trú tại: số nhà 15, ngõ 522, đường N, phố T, phường N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

3. Chị Trần Thị T2, sinh năm 1970, trú tại: số nhà 03, Ngõ 656, phố B, phường N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thế A không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh dịch vụ cấp, cho vay tín dụng hoặc hỗ trợ tài chính. Thế A đã cho những người quen biết có nhu cầu hoặc khó khăn về tài chính vay tiền mà không phải cầm cố, thế chấp tài sản gì với mức lãi xuất vượt quá nhiều lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định của pháp luật nhằm thu lời bất chính.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2024 đến tháng 9/2024, Nguyễn Thế A đã cho Vũ Thị T sinh năm 1972, Đinh Thị T1 sinh năm 1982 và Trần Thị T2 sinh năm 1970 cùng trú tại phường N, thành phố Ninh Bình (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình vay tiền với lãi suất từ 146% đến 243%, vượt gấp nhiều lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm). Thu tổng số tiền lãi 41.700.000 đồng, trong đó lãi theo quy định pháp luật là 5.556.146 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 36.143.836 đồng. Nguyễn Thế A sử dụng điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max lắp sim số 0384.468.607 nhắn tin, gọi điện qua ứng dụng Zalo tên tài khoản “Nguyễn Thế A” được đăng ký bằng số điện thoại 0384.468.607 để liên lạc trao đổi thông tin liên quan đến nội dung vay tiền. Ngoài ra Nguyễn Thế A sử dụng tài khoản ngân hàng 109878046187 mang tên NGUYEN THE ANH, có Alias (Bí danh) là 0384468607 để chuyển, nhận tiền qua tài khoản ngân hàng. Hành vi cụ thể như sau:

1. Đối với chị Vũ Thị T: Từ ngày 03/4/2024 đến ngày 16/9/2024, Nguyễn Thế A đã cho chị Vũ Thị T vay tổng số tiền gốc là 122.000.000 đồng với lãi suất từ 146%/năm đến 243%/năm và đã thu số tiền lãi là 21.700.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 2.816.438 đồng, thu lợi bất chính số tiền 18.883.562 đồng. Vũ Thị T sử dụng ứng dụng Zalo tên tài khoản “Bình Tám” được đăng ký bằng số điện thoại 0919099837 để liên lạc với Thế A và sử dụng tài khoản ngân hàng MBBank số 301783 mang tên VU THI TAM để nhận, chuyển tiền cụ thể như sau:

- Ngày 03/04/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ống, thu lãi trước số tiền 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 410.959 đồng, thu lợi bất chính 2.589.041 đồng. Đến ngày 03/5/2024, chị T đã trả cho Nguyễn Thế A được 31 ngày với số tiền là 9.300.000 đồng. Chị T còn nợ Nguyễn Thế A số tiền 5.700.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

- Ngày 04/05/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ống, thu lãi trước số tiền 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 410.959 đồng, thu lợi bất chính 2.589.041 đồng. Khi chuyển tiền, Thế A đã trừ đi tiền còn nợ của gói vay trước. Đến

ngày 28/5/2024, chị T đã trả cho Nguyễn Thế A được 30 ngày với số tiền là 9.000.000 đồng. Chị T còn nợ Nguyễn Thế A 6.000.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

- Ngày 28/5/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 15.000.000 đồng, đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ổng, thu lãi trước số tiền 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 410.959 đồng, thu lợi bất chính 2.589.041 đồng. Ngày 31/5/2024, Nguyễn Thế A cho vay thêm số tiền 5.000.000 đồng, đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ổng, thu lãi trước số tiền 1.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 136.986 đồng, thu lợi bất chính 863.014 đồng. Khi chuyển tiền, Thế A đã trừ đi tiền còn nợ của gói vay trước. Đến ngày 22/6/2024, chị T đã trả cho Nguyễn Thế A được 23 ngày với số tiền là 8.900.000 đồng. Chị T còn nợ Nguyễn Thế A số tiền là 10.800.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

- Ngày 23/06/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ổng, thu lãi trước số tiền 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 547.945 đồng, thu lợi bất chính 3.452.055 đồng. Khi chuyển tiền, Thế A đã trừ đi tiền còn nợ của gói vay trước. Đến ngày 23/7/2024, chị T đã trả cho Nguyễn Thế A được 23 ngày với số tiền là 9.200.000 đồng. Chị T còn nợ Nguyễn Thế A số tiền là 10.800.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

- Ngày 24/7/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ổng, thu lãi trước số tiền 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 547.945 đồng, thu lợi bất chính 3.452.055 đồng. Khi chuyển tiền, Thế A đã trừ đi tiền còn nợ của gói vay trước. Đến ngày 06/8/2024, chị T đã trả cho Nguyễn Thế A được 12 ngày với số tiền là 4.800.000 đồng. Chị T còn nợ Nguyễn Thế A số tiền là 15.200.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

- Đến ngày 06/8/2024, do chị Tám không có khả năng tiếp tục trả nợ nên Nguyễn Thế A yêu cầu chị T trả thêm 2.000.000 đồng tiền lãi tương ứng với số tiền chị T còn nợ Nguyễn Thế A là 15.000.000 đồng (Thế A làm tròn và cho chị T 200.000 đồng) trong thời hạn 20 ngày với lãi suất 243%/năm. Tổng tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định pháp luật là 164.384 đồng, thu lợi bất chính 1.835.616 đồng. Chị T còn nợ Thế A 17.000.000 đồng.

- Ngày 11/9/2024, do chị T không có khả năng tiếp tục trả nợ nên Nguyễn Thế A nói đã chuyển từ hình thức vay ổng sang chuyển trả lãi đúng yêu cầu chị T trả số tiền là số tiền chị T còn nợ Nguyễn Thế A là 17.000.000 đồng (bao gồm 15.000.000 đồng của gói vay trước và 2.000.000 đồng tiền lãi chậm trả), Nguyễn Thế A yêu cầu chị T trả 850.000 đồng/10 ngày tương ứng với mức lãi suất 183%/năm ngày trong thời hạn 20 ngày tính từ ngày 26/8/2024. Hiện nay, chị T còn nợ của Nguyễn Thế A số tiền

18.700.000 đồng (gồm 17.000.000 đồng nợ của gói vay 06 và 1.700.000 đồng tiền lãi, trong đó lãi theo quy định là 186.301 đồng, thu lợi bất chính 1.513.699 đồng).

Như vậy, Nguyễn Thế A đã cho chị Vũ Thị T vay tổng số tiền gốc là 122.000.000 đồng với lãi suất từ 146%/năm đến 243%/năm và đã thu số tiền lãi là 21.700.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 2.816.438 đồng, thu lợi bất chính số tiền 18.883.562 đồng. Hiện nay, chị T còn nợ của Nguyễn Thế A số tiền 18.700.000 đồng (gồm 17.000.000 đồng nợ của gói vay 06 và 1.700.000 đồng tiền lãi, trong đó lãi theo quy định là 186.301 đồng, thu lợi bất chính 1.513.699 đồng).

2. Đối với chị Đinh Thị T1: Từ ngày 21/5/2024 đến ngày 16/9/2024, Nguyễn Thế A có cho chị Đinh Thị T1 vay tổng số tiền gốc là 65.000.000 đồng với lãi suất từ 146%/năm và đã thu số tiền lãi là 13.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 1.780.822 đồng, thu lợi bất chính số tiền 11.219.178 đồng. Đinh Thị T1 sử dụng ứng dụng Zalo tên tài khoản “Đinh Thị T1” được đăng ký bằng số điện thoại 0943.728.729 để liên lạc với Thế A và sử dụng tài khoản ngân hàng VPBank số 0945728729 và tài khoản ngân hàng BIDV số 8871544736 mang tên Đinh Thị T1 để nhận, chuyển tiền cụ thể như sau:

- Ngày 21/5/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ống, thu lãi trước số tiền 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 273.973 đồng, thu lợi bất chính 1.726.027 đồng. Đến ngày 13/6/2024, chị T1 đã trả cho Nguyễn Thế A được 24 ngày với số tiền là 4.800.000 đồng. Chị T1 còn nợ Nguyễn Thế A số tiền 5.700.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

- Ngày 13/6/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 12.500.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ống, thu lãi trước số tiền 2.500.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 342.466 đồng, thu lợi bất chính 2.157.534 đồng. Khi chuyển tiền, Thế A đã trừ đi tiền còn nợ của gói vay trước. Đến ngày 05/7/2024, chị T1 đã trả cho Nguyễn Thế A được 22 ngày với số tiền là 5.500.000 đồng. Chị T1 còn nợ Nguyễn Thế A số tiền 7.000.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

- Ngày 05/7/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 12.500.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ống, thu lãi trước số tiền 2.500.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 342.466 đồng, thu lợi bất chính 2.157.534 đồng. Khi chuyển tiền, Thế A đã trừ đi tiền còn nợ của gói vay trước. Đến ngày 27/7/2024, chị T1 đã trả cho Nguyễn Thế A được 20 ngày với số tiền là 5.000.000 đồng. Chị T1 còn nợ Nguyễn Thế A số tiền 7.500.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

- Ngày 27/7/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ống, thu lãi trước số tiền 3.000.000

đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 410.959 đồng, thu lợi bất chính 2.589.041 đồng. Khi chuyển tiền, Thế A đã trừ đi tiền còn nợ của gói vay trước. Đến ngày 22/8/2024, chị T1 đã trả cho Nguyễn Thế A được 24 ngày với số tiền là 7.200.000 đồng. Chị T1 còn nợ Nguyễn Thế A số tiền 7.800.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

- Ngày 22/8/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ồng, thu lãi trước số tiền 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 410.959 đồng, thu lợi bất chính 2.589.041 đồng. Khi chuyển tiền, Thế A đã trừ đi tiền còn nợ của gói vay trước. Đến ngày 15/9/2024, chị T1 đã trả cho Nguyễn Thế A được 25 ngày với số tiền là 7.500.000 đồng. Chị T1 còn nợ Nguyễn Thế A số tiền 7.500.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thế A có cho chị Đinh Thị T1 vay tổng số tiền gốc là 65.000.000 đồng với lãi suất từ 146%/năm và đã thu số tiền lãi là 13.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 1.780.822 đồng, thu lợi bất chính số tiền 11.219.178 đồng. Chị T1 còn nợ Nguyễn Thế A số tiền 7.500.000 đồng (tiền gốc gói vay 05).

3. Đối với chị Trần Thị T2: Từ ngày 02/7/2024 đến ngày 16/9/2024, Nguyễn Thế A có cho chị Trần Thị T2 vay tổng số tiền gốc là 35.000.000 đồng với lãi suất từ 146%/năm và đã thu số tiền lãi là 7.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 958.904 đồng, thu lợi bất chính số tiền 6.041.096 đồng. Trần Thị T2 sử dụng ứng dụng Zalo tên tài khoản “Trần Thủy” được đăng ký bằng số điện thoại 0354.801.826 để liên lạc với Thế A và sử dụng tài khoản ngân hàng MBBank số 899901011970 mang tên TRAN THI THUY và số tài khoản ngân hàng BIDV số 8871544736 mang tên Đinh Thị T1 để nhận, chuyển tiền cụ thể như sau:

- Ngày 02/7/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ồng, thu lãi trước số tiền 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 273.973 đồng, thu lợi bất chính 1.726.027 đồng. Đến ngày 27/7/2024, chị T2 đã trả cho Nguyễn Thế A được 25 ngày với số tiền là 5.000.000 đồng. Chị T2 còn nợ Nguyễn Thế A số tiền 5.000.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

- Ngày 28/7/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 12.500.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ồng, thu lãi trước số tiền 2.500.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 342.466 đồng, thu lợi bất chính 2.157.534 đồng. Khi chuyển tiền, Thế A đã trừ đi tiền còn nợ của gói vay trước. Đến ngày 30/8/2024, chị T2 đã trả cho Nguyễn Thế A được 30 ngày với số tiền là 7.500.000 đồng. Chị T2 còn nợ Nguyễn Thế A số tiền 5.000.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

- Ngày 31/8/2024, Nguyễn Thế A cho vay số tiền 12.500.000 đồng trong thời hạn 50 ngày với lãi suất 146%/năm, hình thức đảo ống, thu lãi trước số tiền 2.500.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 342.466 đồng, thu lợi bất chính 2.157.534 đồng. Khi chuyển tiền, Thế A đã trừ đi tiền còn nợ của gói vay trước. Đến ngày 16/9/2024, chị T2 đã trả cho Nguyễn Thế A được 17 ngày với số tiền là 4.250.000 đồng. Chị T2 còn nợ Nguyễn Thế A số tiền 8.250.000 đồng và có xin đảo gói vay mới.

Như vậy, Nguyễn Thế A có cho Trần Thị T2 vay tổng số tiền gốc là 35.000.000 đồng với lãi suất từ 146%/năm và đã thu số tiền lãi là 7.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 958.904 đồng, thu lợi bất chính số tiền 6.041.096 đồng. Chị Thủy còn nợ Nguyễn Thế A số tiền 8.250.000 đồng (tiền gốc gói vay 03).

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSNDTPHL ngày 16/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thế A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế A phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; **điểm i, s khoản 1, khoản 2** Điều 51; Điều 35 của BLHS. Xử phạt tiền: Nguyễn Thế A từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 357, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max lắp sim số 0384.468.607 là vật chứng bị cáo sử dụng để nhắn tin liên lạc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với tổng số tiền gốc 222.000.000 đồng cần truy thu sung công quỹ nhà nước, trong đó:

+ Bị cáo phải nộp lại 189.250.000 đồng (tiền gốc cho vay và được trả lại).

+ Chị Vũ Thị T phải nộp lại 17.000.000 đồng (tiền gốc còn nợ bị cáo).

+ Chị Đinh Thị T1 phải nộp lại 7.500.000 đồng (tiền gốc còn nợ bị cáo).

+ Chị Trần Thị T2 phải nộp lại 8.250.000 đồng (tiền gốc còn nợ bị cáo).

- Đối với số tiền 5.556.146 đồng là tiền lãi theo quy định của pháp luật bị cáo đã hưởng cần buộc bị cáo nộp lại để truy thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 36.143.836 đồng là tiền thu lời bất chính, buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trong đó:

+ Trả lại cho chị Vũ Thị T 18.883.562 đồng (chị Tám còn nợ bị cáo 1.700.000 đồng) nên bị cáo phải trả lại 17.183.562 đồng.

+ Trả lại cho chị Đinh Thị T1 11.219.178 đồng.

+ Trả lại cho chị Trần Thị T2 6.041.096 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Xét lời khai của bị cáo, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận trong khoảng thời gian từ tháng 04/2024 đến tháng 09/2024, tại địa bàn thành phố Ninh Bình (nay là thành phố H), Nguyễn Thế A đã cho chị Vũ Thị T, Đinh Thị T1 và Trần Thị T2 vay tổng số tiền 222.000.000 đồng với mức lãi suất từ 146%/năm đến 243%/năm, vượt gấp nhiều lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) để thu lợi bất chính số tiền 36.143.836 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 201 của BLHS.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; **khi bị triệu tập lên làm việc bị cáo đã đầu thú hành vi phạm tội**. Vì vậy, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy: Mục đích phạm tội nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ để, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và đảm bảo tính răn đe phòng ngừa tội phạm.

[2] Về các biện pháp tư pháp khác:

- Đối với 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max lắp sim số 0384.468.607 thu giữ của bị cáo là vật chứng của vụ án, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần tịch thu hóa giá để sung ngân sách nhà nước.

- Đối với tổng số tiền 220.000.000 đồng bị cáo đã sử dụng cho vay cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo, do đó cần buộc những người vay nộp lại để sung ngân sách nhà nước, gồm:

Chị Vũ Thị T số tiền 17.000.000 đồng

Chị Đinh Thị T1 số tiền 7.500.000 đồng

Chị Trần Thị T2 số tiền 8.250.000 đồng

Số tiền còn lại cần buộc bị cáo nộp lại để sung ngân sách nhà nước $220.000.000 \text{ đồng} - (17.000.000 \text{ đồng} + 7.500.000 \text{ đồng} + 8.250.000 \text{ đồng}) = 187.250.000 \text{ đồng}$.

- Đối với số tiền 5.556.252 đồng là tiền thu lãi được tương ứng với 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không xác định trách nhiệm hình sự, nhưng là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội mà có, cần buộc bị cáo nộp lại để sung Ngân sách nhà nước.

Tổng cộng bị cáo phải nộp lại số tiền $(187.250.000 \text{ đồng} + 5.556.252 \text{ đồng}) = 192.806.252 \text{ đồng}$ để sung ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính của những người vay vượt quá 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền trên cho:

Chị Vũ Thị T số tiền là 18.883.562 đồng (chị T còn nợ bị cáo 1.700.000 đồng) nên bị cáo phải trả lại cho chị T 17.183.562 đồng).

Chị Đinh Thị T1 số tiền là 11.219.178 đồng.

Chị Trần Thị T2 số tiền là 6.041.096 đồng.

[3] Các vấn đề khác:

- Quá trình Nguyễn Thế A cho chị Phạm Thị Hương G vay tiền: Trong thời gian từ ngày 15/7/2023 đến ngày 15/8/2023, L bớt cho chị G 560.000 đồng tiền lãi tức là chị

G phải trả cho L là 1.440.000 đồng (tương đương lãi suất 83%/năm), lãi suất này chưa vượt quá 05 lần so mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ Luật dân sự năm 2015. Ngoài ra, quá trình Nguyễn Thế A cho chị Đàm Thị Thu T vay tiền: từ ngày 04/9/2023 đến ngày 12/12/2023, L giảm lãi suất cho T của khoản vay 20.000.000 đồng xuống còn 2.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 73%/năm), lãi suất này chưa vượt quá 05 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ Luật dân sự năm 2015. Do vậy, chưa đủ yếu tố để xử lý về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” của Nguyễn Thế A đối với các lần trả lãi này.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ninh Bình (nay là thành phố H), Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.
- Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thế A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, **khoản 2** Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max lắp sim số 0384.468.607 (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/02/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố H, tỉnh Ninh Bình và Chi cục THADS thành phố H, tỉnh Ninh Bình).

2.2. Buộc bị cáo Nguyễn Thế A nộp lại số tiền 192.806.252 đồng (Một trăm chín mươi một hai, tám trăm linh sáu nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng) để sung ngân sách nhà nước;

2.3. Buộc chị Vũ Thị T phải nộp số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước;

2.4. Buộc chị Đinh Thị T1 phải nộp số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước;

2.5. Buộc chị Trần Thị T2 phải nộp số tiền 8.250.000 đồng (Tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước;

2.6. Buộc bị cáo Nguyễn Thế A phải trả lại cho:

- Chị Vũ Thị T số tiền là 17.183.562 đồng (Mười bảy triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng).

- Chị Đinh Thị T1 số tiền là 11.219.178 đồng (Mười một triệu, hai trăm mười chín nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng).

- Chị Trần Thị T2 số tiền là 6.041.096 đồng (Sáu triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc Nguyễn Thế A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Chị T, chị T1, chị T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người liên quan;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THA.DS thành phố H;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Lưu (Hồ sơ, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Bình

